TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 13-5-2019
V/v Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Quang Nghiêm
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Điền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long***: Không tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 13 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2019/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn U , sinh năm 1974, nơi cư trú Tổ 08, ấp Thành N, xã Thành L, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

2. *Bị đơn*: Chị Phan Thị T, sinh năm 1973, nơi cư trú Tổ 32, ấp Thành P, xã Thành L, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai đề ngày 11/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn U trình bày:

Vào năm 1992 anh U và chị Phan Thị T do quen biết nhau sau một thời gian tìm hiểu, được hai bên gia đình chấp thuận tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ

nói, lễ cưới theo phong tục ở địa phương, không có đăng ký kết hôn. Nữ trang cưới gồm có 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, số vàng này vợ chồng đã bán dùng chi tiêu trong gia đình hết không còn. Từ ngày sống chung đến nay anh chị không có đăng ký kết hôn.

Sau đám cưới vợ chồng sống tại tổ 32, ấp Thành P, xã Thành L, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long, anh chị sống hạnh phúc được 15 năm và sinh được 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1993 và Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1999. Hiện con chung đã trưởng thành và lập gia đình riêng.

Trong thời gian chung sống vợ chồng có tạo ra tài sản chung, không nợ chung và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng, nhưng về quan hệ tài sản tự anh chị thỏa thuận không tranh chấp.

Nguyên nhân anh xin ly hôn với chị Phan Thị T là do công việc làm ăn vợ chồng phải sống riêng nên lâu ngày tình cảm không còn.

Anh U xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phan Thị T.
- Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến trình bày của bị đơn chị Phan Thị T:*

Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn chị T hoàn toàn không có ý kiến gì gửi cho Tòa án.

* Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Phan Văn U vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về hôn nhân: Yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phan Thị T. Lý do khi sống chung anh và chị T không có đăng ký kết hôn là do không biết pháp luật có quy định vợ chồng phải đăng ký kết hôn. Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phan Thị T thống nhất lời trình bày của anh U về hôn nhân, con chung, mâu thuẩn vợ chồng, việc anh chị không có đăng ký kết hôn là do không biết việc pháp luật có quy định vợ chồng phải đăng ký kết hôn. Anh U xin ly hôn chị T thì chị đồng ý. Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn U có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị Phan Thị T cư trú tại tổ 32, ấp Thành P, xã Thành L, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35,

điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn U và chị Phan Thị T tổ chức đám cưới chung sống với nhau từ năm 1992 không đăng ký kết hôn. Do đó, về hôn nhân anh, chị đã vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho nên giữa anh Nguyễn Văn U và chị Phan Thị T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Đã thành niên, anh U và chị T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Anh Nguyễn Văn U và chị Phan Thị T thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Nguyễn Văn U phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn U và chị Phan Thị T.

2. Về con chung: Đã thành niên, anh Nguyễn Văn U và chị Phan Thị T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về quan hệ tài sản: Anh Nguyễn Văn U và chị Phan Thị thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn U phải nộp số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0015340 ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy anh Nguyễn Văn U đã nộp đủ không phải nộp thêm.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND. Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND.H Bình Tân;
- Chi cục THADS. H Bình Tân;
- UBND xã Thành L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên đóng dấu)

Nguyễn Thị Hồng Diễm